

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015
ĐẾN NGÀY 07 THÁNG 01 NĂM 2016**

Tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Vũ Văn Luyện | Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc (Miễn nhiệm Giám đốc ngày 15 tháng 10 năm 2015, Miễn nhiệm Chủ tịch ngày 15 tháng 12 năm 2015) |
| 2. Ông Ma Ngọc Yên | Giám đốc Công ty (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015, Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015), Chủ tịch Công ty (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015, Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2015), Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2015) |
| 3. Ông Vũ Đình Tuân | Giám đốc Công ty (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015) |
| 4. Ông Nguyễn Văn Dũng | Phó Giám đốc |
| 5. Ông Nguyễn Đức Toán | Phó Giám đốc |
| 6. Ông Ngô Trường Giang | Kế toán trưởng |

Từ ngày 08 tháng 01 năm 2016 đến nay

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Ma Ngọc Yên | Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2015) |
| 2. Ông Vũ Đình Tuân | Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015) |
| 3. Ông Nguyễn Văn Dũng | Phó Giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Đức Toán | Phó Giám đốc |
| 5. Ông Ngô Trường Giang | Kế toán trưởng |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

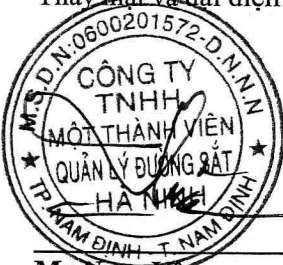
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ma Ngọc Yên

Chủ tịch Công ty

Nam Định, ngày 14 tháng 04 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 16.04/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Ninh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 04 năm 2016, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 07 tháng 01 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong kỳ, Công ty không ghi nhận các khoản phạt và truy thu thuế theo Biên bản thanh tra nghĩa vụ thuế năm 2013 và 2014 vào kết quả hoạt động kinh doanh mà ghi giảm trực tiếp chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán với số tiền 561.569.245 đồng. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ các khoản phạt và truy thu thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016 thì chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả kinh doanh giảm một khoản tương ứng.



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 07 tháng 01 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016



Phạm Thị Thanh Duyên

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3515-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 07 tháng 01 năm 2016

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	07/01/2016	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.453.780.486	77.959.373.761
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.266.639.361	165.199.435
1. Tiền	111	V.1	6.266.639.361	165.199.435
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.798.617.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.798.617.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.396.305.867	50.106.135.759
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	41.897.889.266	47.984.180.139
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	606.277.781	683.789.457
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.892.138.820	1.438.166.163
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	26.769.971.510	25.877.668.954
1. Hàng tồn kho	141		26.769.971.510	25.877.668.954
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.863.748	11.752.613
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.280.200	11.752.613
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	15.583.548	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.391.886.363	58.789.924.700
I. Tài sản cố định	220		9.503.023.728	58.761.599.700
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9.503.023.728	37.033.679.700
- Nguyên giá	222		16.959.709.083	202.967.200.318
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.456.685.355)	(165.933.520.618)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	21.727.920.000
- Nguyên giá	228		-	21.727.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		888.862.635	28.325.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	888.862.635	28.325.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.845.666.849	136.749.298.461

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 07 tháng 01 năm 2016

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	07/01/2016	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		73.746.666.849	79.678.688.896
I. Nợ ngắn hạn	310		73.746.666.849	70.376.193.446
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	26.693.080.436	32.738.661.337
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	3.679.288.250	5.757.310.350
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7	4.555.068.534	823.560.979
4. Phải trả người lao động	314		10.004.398.190	14.127.101.072
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	4.592.263
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		4.550.700.603	3.214.659.196
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	12.649.862.034	7.765.115.486
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	10.977.800.000	5.280.206.437
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		636.468.802	664.986.326
II. Nợ dài hạn	330		-	9.302.495.450
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.9	-	1.972.173.984
2. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	7.330.321.466
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.099.000.000	57.070.609.565
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	15.099.000.000	15.264.189.377
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.099.000.000	13.896.841.176
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	47.990.250
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	1.319.357.951
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.424.577.846)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.424.577.846	1.319.357.951
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	41.806.420.188
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	41.806.420.188
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.845.666.849	136.749.298.461



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Ma Ngọc Yên
 Chủ tịch Công ty

Ngô Trường Giang
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Chung
 Người lập

Nam Định, ngày 14 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		104.676.352.477
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	104.676.352.477
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.230.092.198
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.446.260.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	79.020.098
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	210.534.552
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		210.534.552
8. Chi phí bán hàng	25		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.485.947.723
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.828.798.102
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.467.596.263
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.467.566.835
13. Lợi nhuận khác	40		29.428
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.828.827.530
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	404.249.684
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.424.577.846



Ma Ngọc Yên
Chủ tịch Công ty

Ngô Trường Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Chung
Người lập

Nam Định, ngày 14 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	119.182.844.791
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(54.715.236.417)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(52.410.811.272)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(215.126.815)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(467.730.170)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.255.055.430
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(21.843.872.282)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.214.876.735)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.798.617.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	79.020.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.877.637.098
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	4.741.086.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.453.500.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.755.906.437)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.438.679.563
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.101.439.926
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	165.199.435
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.266.639.361



Ma Ngọc Yên
Chủ tịch Công ty

Ngô Trường Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Chung
Người lập

Nam Định, ngày 14 tháng 04 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Hà Ninh là Doanh nghiệp nhà nước, tiền thân là Xí nghiệp Quản lý đường sắt Hà Ninh, được thành lập theo Quyết định số 873/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 03 năm 2003 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0600201572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 30 tháng 7 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ năm (05) ngày 17 tháng 11 năm 2014.

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định phê duyệt Phương án Cổ phần hóa số 3904/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy (07) số 0600201572 ngày 08 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 08 tháng 01 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 15.099.000.000 đồng được chia thành 1.509.900 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty đến thời điểm 07 tháng 01 năm 2016 là 637 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 742 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng kho bãi;
- Kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Xây dựng các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Khai thác, sản xuất đá;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- San lấp mặt bằng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ du lịch; và
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016 là giai đoạn từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến khi đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Từ ngày 08 tháng 01 năm 2016, Công ty chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy (07) số 0600201572 ngày 08 tháng 01 năm 2016.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 37
Máy móc và thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	10 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất lâu dài đối với diện tích đất nền nhà ga, đường ray tàu hỏa, ke hàng... trên tuyến đường sắt do Công ty quản lý. Giá trị quyền sử dụng đất không thực hiện trích khấu hao.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, cơ quan thuế vẫn chưa thực hiện kiểm tra quyết toán nghĩa vụ thuế của Công ty từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu (ngày 08 tháng 01 năm 2016).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	07/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	29.204.000	5.490.000
Tiền gửi ngân hàng	6.237.435.361	159.709.435
Cộng	6.266.639.361	165.199.435

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	07/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Ban quản lý Cơ sở hạ tầng đường sắt	10.215.381.294	19.086.936.434
Ban QLDA Các công trình trọng điểm tỉnh Hà Nam	19.862.420.740	22.585.512.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	4.591.886.673	1.339.049.741
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	7.228.200.559	4.972.681.964
Cộng	41.897.889.266	47.984.180.139
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng đường sắt	10.215.381.294	19.086.936.434
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	4.591.886.673	1.339.049.741
Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Hà Nội	356.166.974	-
Cộng	15.163.434.941	20.425.986.175

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	07/01/2016 VND	01/01/2015 VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	543.271.057	543.271.057
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	63.006.724	140.518.400
Cộng	606.277.781	683.789.457
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	543.271.057	543.271.057
Cộng	543.271.057	543.271.057

4. Phải thu ngắn hạn khác

	07/01/2016 VND	01/01/2015 VND
Tạm ứng	189.776.000	25.615.000
Phải thu khác	2.702.362.820	1.412.551.163
- <i>Kinh phí phục vụ nhận ray cũ của Ban Quản lý dự án KV2</i>	596.490.545	237.071.545
- <i>Phải thu về cổ phần hóa doanh nghiệp</i>	445.240.000	-
- <i>Phải thu khác</i>	1.660.632.275	1.175.479.618
Cộng	2.892.138.820	1.438.166.163

5. Chi phí trả trước dài hạn

	07/01/2016 VND	01/01/2015 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	200.978.164	28.325.000
Giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa	687.884.471	-
Cộng	888.862.635	28.325.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho

	07/01/2016		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.932.080.946	-	5.655.507.206	-
Công cụ, dụng cụ	81.138.553	-	134.778.199	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.756.752.011	-	20.087.383.549	-
Cộng	26.769.971.510	-	25.877.668.954	-

7. Thuế và các khoản phải thu / Phải trả Nhà nước

	01/01/2015		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		07/01/2016	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu								
Thuế thu nhập cá nhân	-	479.446.870	-	494.614.750	-	15.167.880	-	-
Các loại thuế khác	-	171.393.089	-	171.808.757	-	415.668	-	-
Cộng	-	650.839.959	-	666.423.507	-	15.583.548	-	-
b. Các khoản phải trả								
Thuế giá trị gia tăng	788.932.574	6.644.209.130	3.130.404.070	4.302.737.634				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	30.225.511	689.835.559	467.730.170	252.330.900				
Thuế thu nhập cá nhân	4.402.894	-	4.402.894	-				
Cộng	823.560.979	7.334.044.689	3.602.537.134	4.555.068.534				

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ là bao gồm số thuế bị truy thu của năm 2013 và năm 2014 là 285.585.875 đồng. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu và đã nộp trong kỳ là 285.585.875 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
 Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi,
 Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
 đến ngày 07/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	184.351.098.865	13.952.131.794	4.143.923.615	419.891.500	100.154.544	202.967.200.318
Đầu tư XDCB hoàn thành	329.200.000	-	-	-	-	329.200.000
Nhận điều chuyển từ Tổng Công ty	-	7.322.302.390	-	-	-	7.322.302.390
Tăng do đánh giá lại tài sản	6.018.998.811	-	-	-	-	6.018.998.811
Giảm do đánh giá lại tài sản	9.539.051.339	-	-	-	-	9.539.051.339
Giảm do điều chuyển về Tổng Công ty	168.955.306.913	21.149.434.184	-	-	34.200.000	190.138.941.097
Tại ngày 07/01/2016	12.204.939.424	125.000.000	4.143.923.615	419.891.500	65.954.544	16.959.709.083
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	156.296.730.931	6.655.092.966	2.853.116.383	56.597.149	71.983.189	165.933.520.618
Khấu hao trong kỳ	3.957.538.621	1.682.976.761	319.316.232	67.968.356	8.244.320	6.036.044.290
Tăng do đánh giá lại tài sản	2.742.421.064	3.304.843.308	-	-	-	6.047.264.372
Giảm do đánh giá lại tài sản	39.001.892	574.253.894	802.349.933	19.428.151	10.936.222	1.445.970.092
Giảm do điều chuyển về Tổng Công ty	158.046.040.699	11.033.933.134	-	-	34.200.000	169.114.173.833
Tại ngày 07/01/2016	4.911.648.025	34.726.007	2.370.082.682	105.137.354	35.091.287	7.456.685.355
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	28.054.367.934	7.297.038.828	1.290.807.232	363.294.351	28.171.355	37.033.679.700
Tại ngày 07/01/2016	7.293.291.399	90.273.993	1.773.840.933	314.754.146	30.863.257	9.503.023.728

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 07 tháng 01 năm 2016 là 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 120.761.983.289 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Phải trả người bán

	07/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Tổng công ty công trình Đường Sắt	9.541.524.198	9.541.524.198	6.625.002.246	6.625.002.246
Công ty CP XNK Vật tư thiết bị đường sắt HN	3.280.515.651	3.280.515.651	3.359.166.574	3.359.166.574
Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	2.618.532.169	2.618.532.169	3.118.532.169	3.118.532.169
Công ty CP Đầu tư công trình Hà Nội	2.182.807.700	2.182.807.700	2.514.261.600	2.514.261.600
Công ty CP Thiết bị và vật tư TH Việt Nam	2.172.698.950	2.172.698.950	-	-
Xí nghiệp đá Hoàng Mai	1.791.774.895	1.791.774.895	3.392.876.795	3.392.876.795
Công ty QLDS Vĩnh Phú	1.238.601.251	1.238.601.251	367.020.869	367.020.869
Các đối tượng khác	3.866.625.622	3.866.625.622	13.361.801.084	13.361.801.084
Cộng	26.693.080.436	26.693.080.436	32.738.661.337	32.738.661.337
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Công ty CP Tổng công ty Công trình đường sắt	-	-	1.972.173.984	1.972.173.984
Cộng	-	-	1.972.173.984	1.972.173.984
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP Tổng công ty công trình Đường Sắt	9.541.524.198	9.541.524.198	6.625.002.246	6.625.002.246
Công ty CP XNK Vật tư thiết bị Đường sắt Hà Nội	3.280.515.651	3.280.515.651	3.359.166.574	3.359.166.574
Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	2.618.532.169	2.618.532.169	3.118.532.169	3.118.532.169
Công ty Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	1.238.601.251	1.238.601.251	367.020.869	367.020.869
Công ty Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	120.135.000	120.135.000	45.440.000	45.440.000
Công ty Quản lý Đường sắt Hà Hải	23.367.355	23.367.355	23.367.355	23.367.355
Cộng	16.822.675.624	16.822.675.624	13.538.529.213	13.538.529.213

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 07/01/2016

MẪU SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	07/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư công trình Hà Nội	2.208.075.000	2.208.075.000	2.208.075.000	2.208.075.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1	1.041.213.250	1.041.213.250	1.945.996.350	1.945.996.350
Công ty Xi măng Bút Sơn	-	-	1.040.000.000	1.040.000.000
Các đối tượng khác	430.000.000	430.000.000	563.239.000	563.239.000
Cộng	3.679.288.250	3.679.288.250	5.757.310.350	5.757.310.350
	Trong kỳ			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	10.977.800.000	10.977.800.000	26.453.500.000	20.755.906.437
	10.977.800.000	10.977.800.000	26.453.500.000	20.755.906.437
Cộng	10.977.800.000	10.977.800.000	26.453.500.000	20.755.906.437

11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	07/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	10.977.800.000	10.977.800.000	5.280.206.437	5.280.206.437
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	10.977.800.000	10.977.800.000	5.280.206.437	5.280.206.437
Cộng	10.977.800.000	10.977.800.000	5.280.206.437	5.280.206.437

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng tín dụng số 2910/2015 - HĐTDHM/ NHCT380 - Hà Ninh ngày 30 tháng 10 năm 2015. Hạn mức vay là 20.000.000.000 tỷ đồng. Mục đích vay là để thanh toán tiền nguyên vật liệu, tiền lương công nhân, tiền điện, nước và chi phí hợp lệ khách phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày 30 tháng 10 năm 2015 đến hết ngày 30 tháng 10 năm 2016. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được quy định cụ thể trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất được quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay thông thường tại thời điểm ký Hợp đồng với đồng tiền nhận nợ VNĐ là 9%/năm, thời hạn điều chỉnh lãi suất, ngày xác định lãi suất: một (01) tháng/lần. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINHĐường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 07/01/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Phải trả ngắn hạn khác**

	07/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn;	14.713.104	24.602.866
Bảo hiểm xã hội;	287.562.841	144.447.232
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	12.347.586.089	7.596.065.388
- <i>Phải trả về vật tư thu hồi</i>	-	2.329.663.634
- <i>Chênh lệch giá bán vật tư thu hồi</i>	1.406.975.349	42.526.731
- <i>Phải trả về cổ phần hóa</i>	5.152.951.260	-
- <i>Phải trả khác</i>	5.787.659.480	5.223.875.023
Cộng	12.649.862.034	7.765.115.486

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 07/01/2016
MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	13.896.841.176	47.990.250	1.290.400.997	15.235.232.423
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	1.319.357.951	1.319.357.951
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.286.333.845)	(1.286.333.845)
Giảm khác	-	-	(4.067.152)	(4.067.152)
Số dư tại ngày 31/12/2014	13.896.841.176	47.990.250	1.319.357.951	15.264.189.377
Chuyển vốn về Tổng Công ty (i)	(3.846.383.489)	(47.990.250)	-	(3.894.373.739)
Tăng do đánh giá lại tài sản cố định có phân hóa	5.048.542.313	-	-	5.048.542.313
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	1.424.577.846	1.424.577.846
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.174.839.976)	(2.174.839.976)
Tăng khác (ii)	-	-	(7.526.576)	(7.526.576)
Giảm khác (iii)	-	-	(561.569.245)	(561.569.245)
Số dư tại ngày 07/01/2016	15.099.000.000	-	-	15.099.000.000

(i) Thực hiện chuyển vốn về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Công văn số 424/BTC-ICDN ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn điều khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu của các Công ty con 100% vốn Công ty mẹ vượt vốn điều lệ phê duyệt. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Vốn điều lệ được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0600210572 thay đổi lần thứ 05 ngày 17 tháng 11 năm 2014, vốn điều lệ là 13.766.333.230 đồng, do đó Công ty đã thực hiện chuyển vốn về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Công văn số 910/ĐS-TCKT ngày 15 tháng 04 năm 2015 về việc điều chỉnh chênh lệch vốn chủ sở hữu.

(ii) Xử lý chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản nhận giữ hộ Nhà nước (tài sản nhóm I) và số dư nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là 7.526.576 đồng theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa của Công ty.

(iii) Hạch toán giám trực tiếp LNST chưa phân phối các khoản thuế bị truy thu theo Biên bản thanh tra của Đoàn thanh tra tỉnh Nam Định về "Việc chấp hành các quy định pháp luật về thuế, BHXH, BHYT của Công ty năm 2013 và 2014" ngày 22 tháng 10 năm 2015.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi,

Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015

đến ngày 07/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Tình hình góp vốn của các chủ sở hữu**

	07/01/2016		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	7.700.500.000	51%	13.766.333.230	100%
Các đối tượng khác	7.398.500.000	49%	-	-
Cộng	15.099.000.000	100%	13.766.333.230	100%

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Doanh thu từ hoạt động công ích	80.503.332.529
Sửa chữa thường xuyên định kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt	80.503.332.529
Sửa chữa khắc phục bão lũ	-
Doanh thu từ hoạt động ngoài công ích	24.173.019.948
Hoạt động xây lắp liên quan đến kết cấu hạ tầng	24.173.019.948
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.676.352.477

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Giá vốn hoạt động công ích	72.966.745.752
Sửa chữa thường xuyên định kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt	72.966.745.752
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	22.263.346.446
Hoạt động xây lắp liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt	22.263.346.446
Cộng	95.230.092.198

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	79.020.098
Cộng	79.020.098

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi,

Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015

đến ngày 07/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)****4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Chi phí lãi vay	210.534.552
Cộng	210.534.552

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	462.825.491
Chi phí nhân công	5.851.860.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	624.635.072
Chi phí khác bằng tiền	546.627.160
Cộng	7.485.947.723

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Thu từ thanh lý vật tư	2.457.636.320
Các khoản thu nhập khác	9.959.943
Cộng	2.467.596.263

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý vật tư	2.453.936.000
Các khoản chi phí khác	13.630.835
Cộng	2.467.566.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.828.827.530
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	8.671.035
Thu nhập chịu thuế	1.837.498.565
Thuế suất	22%
Thuế TNDN phải nộp	404.249.684
Chi phí thuế TNDN hiện hành	404.249.684

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.392.754.587
Chi phí nhân công	51.910.523.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.036.044.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.906.412.750
Chi phí khác bằng tiền	8.714.006.673
Cộng	104.959.741.403

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	07/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	10.977.800.000	5.280.206.437
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>6.266.639.361</i>	<i>165.199.435</i>
Nợ thuần	4.711.160.639	5.115.007.002
Vốn chủ sở hữu	15.099.000.000	15.264.189.377
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	31,20%	33,51%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	07/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.266.639.361	165.199.435
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.790.028.086	49.422.346.302
Đầu tư ngắn hạn	-	1.798.617.000
Cộng	51.056.667.447	51.386.162.737
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	10.977.800.000	5.280.206.437
Phải trả người bán và phải trả khác	40.075.049.145	42.475.950.807
Chi phí phải trả	-	4.592.263
Cộng	51.052.849.145	47.760.749.507

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 07/01/2016			
Tiền	6.266.639.361	-	6.266.639.361
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.790.028.086	-	44.790.028.086
Cộng	51.056.667.447	-	51.056.667.447
Tại 07/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	40.075.049.145	-	40.075.049.145
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	10.977.800.000	-	10.977.800.000
Cộng	51.052.849.145	-	51.052.849.145
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.818.302	-	3.818.302
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.199.435	-	165.199.435
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.422.346.302	-	49.422.346.302
Đầu tư ngắn hạn	1.798.617.000	-	1.798.617.000
Cộng	51.386.162.737	-	51.386.162.737
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	40.503.776.823	1.972.173.984	42.475.950.807
Chi phí phải trả	4.592.263	-	4.592.263
Các khoản vay	5.280.206.437	-	5.280.206.437
Cộng	45.788.575.523	1.972.173.984	47.760.749.507
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.597.587.214	(1.972.173.984)	3.625.413.230

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi,

Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015

đến ngày 07/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên Quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt	Cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty CP XNK Vật tư thiết bị Đường sắt Cơ Khí Đông Anh	Cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty CP XNK Vật tư thiết bị Đường sắt Cơ Khí Vinh	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Hà Hải	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	Cùng Tổng Công ty
VD Toa xe hàng Hà Nội	Cùng Tổng Công ty
Phân ban Quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt khu vực 1	Cùng Tổng Công ty
Công ty CP Dịch vụ du lịch Đường Sắt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty
Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty
Công ty CP XNK Vật tư thiết bị Đường sắt	Cùng Tổng Công ty

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Ban quản lý cơ sở hạ tầng Đường sắt	81.927.418.469
Cộng	81.927.418.469
Mua hàng	
Tổng Công ty công trình Đường Sắt	9.541.524.198
Chi nhánh Công ty CP XNK Vật tư thiết bị đường sắt Cơ Khí Đông Anh	81.675.000
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Hà Hải	23.367.355
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	120.135.000
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	1.238.601.251
Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	2.618.532.169
Công ty CP XNK Vật tư thiết bị Đường sắt	3.280.515.651
Cộng	16.904.350.624

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINHĐường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 07/01/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:*

	07/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt	10.215.381.294	19.086.936.434
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	4.591.886.673	1.339.049.741
Công ty Vận tải hành khách Đường sắt Hà Nội	356.166.974	-
Cộng	15.163.434.941	20.425.986.175
Các khoản phải trả		
Công ty Quản lý Đường sắt Hà Hải	23.367.355	23.367.355
Công ty Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	120.135.000	45.440.000
Công ty Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	1.238.601.251	367.020.869
Tổng Công ty công trình Đường Sắt	9.541.524.198	8.597.176.230
Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	2.618.532.169	3.118.532.169
Công ty CP XNK Vật tư thiết bị Đường sắt Hà Nội	3.280.515.651	3.359.166.574
CN CTCP XNK VTTB ĐS - XN Vật tư và dịch vụ Thanh Hóa	440.778.189	776.807.183
Công ty TNHH MTV Xe lửa Gia Lâm	297.818.655	182.806.411
Xí nghiệp cơ khí vật tư ĐS Đông Anh	81.675.000	359.107.327
Cộng	17.561.272.468	16.470.316.791
Trả trước cho người bán		
CN Công ty vận tải hàng hóa Đường sắt Hà Nội - XN VD toa xe hàng Hà Nội	-	49.438.400
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	543.271.057	543.271.057
Cộng	543.271.057	592.709.457

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016 như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 07/01/2016
	VND
Khoản mục	
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	636.907.721
Cộng	636.907.721

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định phê duyệt Phương án Cổ phần hóa số 3904/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy (07) số 0600201572 ngày 08 tháng 01 năm 2016.

4. Số liệu so sánh

Như trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán tại ngày 07 tháng 01 năm 2016 được phân loại lại để đảm bảo so sánh được với số liệu tương ứng của tại ngày 07 tháng 01 năm 2016 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

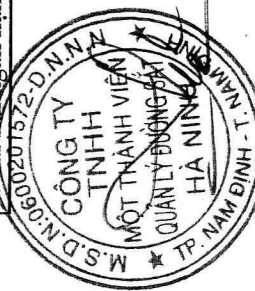
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 07/01/2016
MẪU SỐ B09 - DN

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Chênh lệch
Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính	Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính	01/01/2015	
TÀI SẢN	01/01/2015	TÀI SẢN	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	77.959.373.761	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	77.959.373.761
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	50.106.135.759	II. Các khoản phải thu ngắn hạn	50.080.520.759
3. Phải thu ngắn hạn khác	1.438.166.163	3. Phải thu ngắn hạn khác	1.412.551.163
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	4. Tài sản thiếu chờ xử lý	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	11.752.613	IV. Tài sản ngắn hạn khác	37.367.613
3. Tài sản ngắn hạn khác	-	3. Tài sản ngắn hạn khác	25.615.000
			(25.615.000)
			(25.615.000)



Ma Ngọc Yên
Chủ tịch Công ty

Nam Định, ngày 14 tháng 04 năm 2016

Ngô Trường Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Chung
Người lập



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN THỊ THANH HƯƠNG